

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 541/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2020.

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Phượng;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệu** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 624/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 15, ấp KM, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông S, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Tổ 15, ấp KM, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, (**vắng mặt**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông S kết hôn năm 1996, hôn nhân do mai mối sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24/02/1996. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi nhau. Ngoài ra ông S có người phụ nữ khác bên ngoài, bà đã nhiều lần khuyên và cho ông S cơ hội để hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng ông S vẫn không thay đổi, đời sống chung của vợ chồng không còn hòa hợp nên đã ly thân khoảng 09 tháng. Nay nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại được nên bà H yêu cầu ly hôn ông S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên SA Y Đ, sinh năm 1998 đã thành niên và có khả năng lao động được và con chung ALI, sinh năm 2005, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung ALI, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông S đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với

yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa:

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H ly hôn ông S. Giao con chung ALI cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu, con chung SA Y Đ đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Do bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hòa theo Giấy đăng ký kết hôn ngày 24/02/1996 là phù hợp quy định của pháp luật theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014, nên hôn nhân giữa bà H và ông S là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Theo bà H trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không còn hòa hợp nên đã ly thân khoảng 09 tháng nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng ông S vắng mặt chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Qua xác minh, địa phương xác định ông S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Khánh Mỹ, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Địa phương cho biết giữa ông S và bà H có mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không rõ. Hiện tại bà H không còn chung sống với ông S.

Xét thấy, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng giữa ông S và bà H không thực hiện được nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau, vợ chồng đã ly thân khoảng 09 tháng. Không còn qua lại thăm nom, chăm sóc nhau. Ông S đã được Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của bà H nhưng không có ý kiến; Tòa án triệu tập các bên đến hòa giải nhưng ông không đến, chứng tỏ ông không quan tâm đến việc hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Cho thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H yêu cầu ly hôn ông S là có cơ sở chấp nhận, Hội

đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.5] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên SA Y Đ, sinh năm 1998 đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét và con chung ALI, sinh năm 2005, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung ALI, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung, ông S không có ý kiến về việc trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Từ khi ly thân đến nay con chung ALI đang sống ổn định cùng bà H. Đồng Thời, con chung ALI cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ, thấy rằng để ổn định tâm lý cũng như cuộc sống sinh hoạt của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung ALI cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu.

Bà H và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.7] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, **Điều 227**, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Về hôn nhân: Bà H được ly hôn ông S.

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24 tháng 02 năm 1996 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông S và bà H không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung tên SA Y Đ, sinh năm 1998 đã thành niên và lao động được nên không xem xét và ALI, sinh năm 2005, hiện đang sống với bà H.

Giao con chung ALI cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0005578 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Bà H và ông S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoàng Vũ